

ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ 1 TOÁN 6 – ĐỀ SỐ 3

Phần 1: Trắc nghiệm khách quan(4đ). Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời mà em cho là đúng nhất.

Câu 1: Tập hợp P các số tự nhiên lớn hơn 6 có thể viết là.

A. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x < 7\}$ B. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x \leq 7\}$

B. C. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x > 7\}$ D. $P = \{x \in \mathbb{N} \mid x \geq 7\}$

Câu 2: Chữ số 5 trong số 2358 có giá trị là.

A. 5000 B. 500 C. 50 D. 5

Câu 3: Chỉ ra cặp số tự nhiên liền trước và liền sau của số 99.

A. (97; 98) B. (98; 100) C. (100; 101) D. (97; 101)

Câu 4: Cho tập $A = \{2; 3; 4; 5\}$. Phần tử nào sau đây thuộc tập A.

A. 1 B. 3 C. 7 D. 8

Câu 5: Tổng $15 + 30$ chia hết cho số nào sau đây:

A. 2 và 3 B. 2 và 5 C. 3 và 5 D. 2; 3 và 5

Câu 6: Cho $18 \div x$ và $7 \leq x < 18$. Thì x có giá trị là:

A. 2 B. 3 C. 6 D. 9

Câu 7: Trong các số tự nhiên sau số nào là số nguyên tố

A. 16

B. 27

C. 2

D. 35

Câu 8: ƯCLN (3, 4) là:

A. 1 B. 3 C. 4 D. 12

Câu 9: Kết quả phép tính $13 - 5 + 3$ là:

A. 11 B. 12 C. 8 D. 10

Câu 10: Kết quả phép tính $18 \div 3^2 \cdot 2$ là:

A. 18 B. 4 C. 1 D. 12

Câu 11: Kết quả phép tính $2^4 \cdot 2$ là:

A. 2^4 B. 2^3 C. 2^6 D. 2^5

Câu 12: Số 75 được phân tích ra thừa số nguyên tố là:

A. $2 \cdot 3 \cdot 5$

B. $3 \cdot 5 \cdot 7$

C. $3 \cdot 5^2$

D. $3^2 \cdot 5$

Câu 13: Cho $x \in \{5, 16, 25, 135\}$ sao cho tổng $20 + 35 + x$ không chia hết cho 5. Thì x là:

A. 5

B. 16

C. 25

D. 135

Câu 14: BCNN của $2 \cdot 3^3$ và $3 \cdot 5$ là:

A. $2 \cdot 3^3 \cdot 5$

B. $2 \cdot 3 \cdot 5$

C. $3 \cdot 3^3$

D. 3^3

Câu 15: Trong tam giác đều mỗi góc có số đo bằng:

A. 60^0

B. 45^0

C. 90^0

D. 30^0

Câu 16: Trong hình vuông có:

A. Hai cạnh đối bằng nhau

B. Hai đường chéo bằng nhau

C. Bốn cạnh bằng nhau

D. Hai đường chéo vuông góc

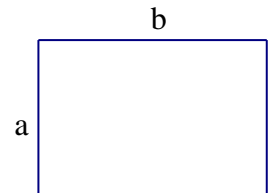
Câu 17: Cho H.1. Công thức tính chu vi của hình chữ nhật là:

A. $C = 4a$

B. $C = \frac{1}{2}(a + b)$

C. $C = \frac{1}{2}ab$

D. $2(a + b)$



H.1

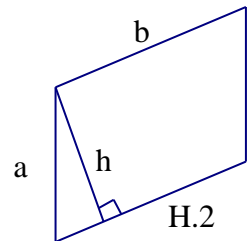
Câu 18: Cho H.2. Công thức tính diện tích của hình bình hành là:

A. $S = ab$

B. $S = \frac{1}{2}ah$

C. $S = \frac{1}{2}bh$

D. $S = ah$



H.2

Câu 19: Cho hình thoi, biết độ dài hai đường chéo là 2cm và 4cm. Thì diện tích hình thoi là:

A. 4

B. 6

C. 8

D. 2

Câu 20: Cho hình bình hành ABCD (H.3). Biết $AB = 3\text{cm}$, $BC = 2\text{cm}$

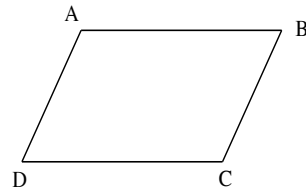
Chu vi của hình bình hành ABCD là:

A. 6

B. 10

C. 12

D. 5



Tự luận

Câu 21: Thực hiện phép tính

a) $125 + 70 + 375 + 230$

b) $49.55 + 45.49$

c) $120 : \left\{ 54 - \left[50 : 2 - (3^2 - 2.4) \right] \right\}$

Câu 22: Học sinh lớp 6A xếp thành 4; 5; 8 đều vừa đủ hàng. Hỏi số HS lớp 6A là bao nhiêu? Biết rằng số HS nhỏ hơn 45.

Câu 23: Mảnh vườn hình chữ nhật có chiều rộng bằng 8m và diện tích bằng 120m^2 . Tính chu vi mảnh vườn hình chữ nhật đó?

Câu 24: Tìm tất cả các số tự nhiên n thoả mãn $5n + 14$ chia hết cho $n + 2$?

Đáp án thang điểm:

1.TNKQ Từ câu 1 đến câu 20. Mỗi câu đúng 0,25 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
ĐA	D	C	B	B	C	D	C	A	A	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
ĐA	D	C	B	A	A	C	D	C	A	C

2.TNTQ

Câu		Điểm
21	Thực hiện phép tính	0,5
	a) $125 + 70 + 375 + 230 = (125 + 375) + (70 + 230) = 500 + 300 = 800$	0,5
	b) $49 \cdot 55 + 45 \cdot 49 = 49(55+45) = 4900$	0,5
22	c) $120 : \left\{ 54 - \left[50 : 2 - (3^2 - 2 \cdot 4) \right] \right\}$ $= 120 : \left\{ 54 - \left[50 : 2 - (9 - 8) \right] \right\}$ $= 120 : \left\{ 54 - [25 - 1] \right\} = 120 : \{ 54 - 24 \} = 120 : \{ 30 \}$	1
23	Gọi số HS của lớp 6A là x ($0 < x < 45$)	0,5
	Vì $x : 4, x : 5, x : 8$ nên $x \in BC_{(4;5;8)}$	0,5
	$BCNN_{(4;5;8)} = 2^3 \cdot 5 = 40$ Do ($0 < x < 45$) nên số học sinh của lớp 6A là 40 HS	0,5
24	Chiều dài mảnh vườn hình chữ nhật là: $120 : 8 = 15$ m	0,5
	Chu vi mảnh vườn hình chữ nhật là: $2(8+15) = 46$ m	0,5
25	Với mọi n ta có $n+2 : n+2n$ nên $5(n+2) = 5n+10 : n+2 \Rightarrow 5n+14 = 5n+10+4 : n+2$ khi 4 chia hết cho n+2	0,5

do đó $n+2$ thuộc $U_{(4)} = \{1,2,4\}$

Giải từng trường hợp ta đc: $n = 0; 2$